

Phần I (tiếp theo)
DANH MỤC TTHC LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ XÃ HỘI
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND-HC ngày /02/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

TTHC ĐƯỢC GIỮ NGUYÊN

I. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung TTHC	Cách thức thực hiện	
							Nộp hồ sơ	Trả hồ sơ
1.	1.010832	Thăm viếng mộ liệt sĩ	06 ngày làm việc, trong đó: - UBND cấp xã: 01 ngày làm việc; - UBND cấp huyện: 05 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện	Không	Điều 158 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ BCCI.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ BCCI.

II. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung TTHC	Cách thức thực hiện	
							Nộp hồ sơ	Trả hồ sơ
01	2.001661	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	11 ngày làm việc, trong đó: - Cấp xã: 03 ngày - Cấp huyện: 08 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 23 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người. - Khoản 1 Điều 16 Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người. - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác 	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

						nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.		
--	--	--	--	--	--	---	--	--

III. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung TTHC	Cách thức thực hiện	
							Nộp hồ sơ	Trả hồ sơ
1.	1.001776	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	22 ngày làm việc, trong đó: - Cấp xã: 12 ngày - Cấp huyện: 10 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Không	Khoản 6 Điều 13 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ BCCI; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ BCCI; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.
2.	1.001758	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	06 ngày làm việc: - Cấp xã: 03 ngày, - Cấp huyện: 03 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Không	Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ BCCI; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ BCCI; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.
3.	1.001753	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện,	08 ngày làm việc, kể từ ngày UBND cấp xã nơi đối tượng cư trú mới nhận được hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Không	Khoản 4 Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ BCCI; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ BCCI; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung TTHC	Cách thức thực hiện	
							Nộp hồ sơ	Trả hồ sơ
		thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	của đối tượng - Cấp xã: 03 ngày, - Cấp huyện: 05 ngày.					
4.	1.001731	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	05 ngày làm việc: - Cấp xã: 02 ngày, - Cấp huyện: 03 ngày.z	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Không	Điều 11 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ BCCI; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ BCCI; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.
5.	1.001739	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	05 ngày làm việc: - Cấp xã: 02 ngày, - Cấp huyện: 03 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Không	Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ BCCI; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ BCCI; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.
6.	2.000744	Thủ tục trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	03 ngày làm việc: - Cấp xã: không quy định - Cấp huyện:	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Không	Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ BCCI; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ BCCI; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung TTHC	Cách thức thực hiện	
							Nộp hồ sơ	Trả hồ sơ
			03 ngày.					
7.	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	15 ngày làm việc kể từ ngày rà soát, trong đó: - UBND cấp xã: 10 ngày làm việc; - UBND cấp huyện: 05 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 – 2025. - Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 – 2025 và mẫu biểu báo cáo. - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ BCCI; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ BCCI; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung TTHC	Cách thức thực hiện	
							Nộp hồ sơ	Trả hồ sơ
						BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 – 2025 và mẫu biểu báo cáo.		